BỘ NGOẠI GIAO

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2016/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2016*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ xã hội chủ nghĩa Xri Lan-ca về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, ký tại Hà Nội ngày 22 tháng 10 năm 2009, có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2016.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC
CỘNG HOÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SRI LANKA

VỀ

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka (sau đây gọi là "các Bên ký kết"),

Mong muốn tạo các điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hợp tác kinh tế giữa hai nước và cụ thể cho đầu tư của nhà đầu tư một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, và

Thừa nhận rằng việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau sẽ có lợi cho việc thúc đẩy sáng kiến kinh doanh và tăng cường thịnh vượng ở cả hai Bên ký kết,

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1
CÁC ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" nghĩa là mọi loại tài sản do nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư liên quan đến hoạt động kinh tế trên lãnh thổ của Bên ký kết kia và đã được chấp thuận phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó, và kể cả những tài sản bao gồm hoặc dưới hình thức:

a) Cổ phần, cổ phiếu của công ty, và các hình thức góp vốn khác, trái phiếu, các giấy nợ, và các hình thức nợ khác trong công ty, các khoản nợ, khoản vay khác và chứng khoán do nhà đầu tư của một Bên ký kết phát hành;

b) Các quyền đòi tiền hoặc quyền đối với việc thực hiện hợp đồng có giá trị kinh tế;

c) Các quyền sở hữu trí tuệ, kể cả quyền tác giả, nhãn hiệu hàng hoá, sáng chế, kiểu dáng và mẫu công nghiệp, quy trình kỹ thuật, bí quyết, bí mật kinh doanh, tên thương mại và uy tín kinh doanh;

d) Bất kỳ quyền nào theo luật, hợp đồng hoặc quyền có được từ bất kỳ giấy phép hoặc sự cho phép nào theo luật, kể cả các quyền thăm dò, tìm kiếm, tinh chế hoặc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên;

e) Bất kỳ tài sản hữu hình hoặc vô hình, động sản hoặc bất động sản, và bất kỳ quyền về tài sản nào khác có liên quan, như cho thuê, thế chấp, cầm cố và cầm giữ.

Để rõ ràng hơn, đầu tư theo Hiệp định này không bao gồm các quyền đòi tiền phát sinh thuần túy từ:

(i) các hợp đồng thương mại về bán hàng hoá hoặc dịch vụ của công dân hoặc doanh nghiệp trên lãnh thổ của một Bên ký kết cho doanh nghiệp trên lãnh thổ của Bên ký kết kia; hoặc

(ii) việc cấp khoản tín dụng liên quan đến giao dịch thương mại, như cho vay thương mại.

Bất kỳ sự thay đổi nào về hình thức của tài sản hoặc các quyền tài sản đã được đầu tư hoặc tái đầu tư sẽ không ảnh hưởng đến tính chất đầu tư của chúng với điều kiện là sự thay đổi đó phù hợp với pháp luật của Bên ký kết tiếp nhận đầu tư.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" đối với mỗi Bên ký kết có nghĩa là:

a) thể nhân có quốc tịch của một Bên ký kết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó;

b) pháp nhân được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật của Bên ký kết đó, như công ty, hợp danh, quỹ tín thác, liên doanh, hiệp hội hoặc doanh nghiệp.

3. Thuật ngữ "thu nhập" có nghĩa là các khoản thu được từ đầu tư, bất kể được thanh toán dưới hình thức nào, và cụ thể nhưng không chỉ bao gồm lợi nhuận, lợi tức, thu nhập từ vốn, cổ tức, tiền bản quyền, và phí quản lý, phí hỗ trợ kỹ thuật, các khoản thanh toán hoặc phí khác, và các khoản thanh toán bằng hiện vật dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ" có nghĩa là:

a) Đối với Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên, các vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

b) Đối với Cộng hoà dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka, là lãnh thổ đất liền, vùng nội thủy, lãnh hải của Cộng hoà dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka và các vùng biển ngoài lãnh hải, kể cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà theo pháp luật quốc gia hiện hành hoặc luật pháp quốc tế, đã được hoặc có thể được quy định là thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của Cộng hoà dân chủ xã hội chủ nghĩa Sri Lanka, với mục đích tìm kiếm và khai thác tài nguyên thiên nhiên trong khu vực đó.

5. Thuật ngữ "đồng tiền tự do chuyển đổi" có nghĩa là bất cứ đồng tiền nào mà Quỹ tiền tệ quốc tế, trong từng thời kỳ, xác định là đồng tiền tự do sử dụng phù hợp với Điều lệ của Quỹ tiền tệ quốc tế và các sửa đổi của Điều lệ này.

ĐIỀU 2
PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Hiệp định này được áp dụng đối với các khoản đầu tư do nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia mà đã được đầu tư từ thời điểm trước khi hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực và đã được chấp thuận bằng văn bản phù hợp với pháp luật và chính sách của Bên ký kết đó.

2. Hiệp định này không áp dụng đối với các tranh chấp đầu tư phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra, hoặc đối với các tranh chấp đầu tư đã được giải quyết, hoặc đang trong quá trình giải quyết theo thủ tục tư pháp hoặc trọng tài trước thời điểm Hiệp định này có hiệu lực.

3. Hiệp định này không áp dụng đối với:

a) thuế;

b) mua sắm của Chính phủ;

c) các khoản trợ cấp hoặc tài trợ của một Bên ký kết; và

d) các dịch vụ do cơ quan có liên quan hoặc cơ quan có thẩm quyền của một Bên ký kết cung cấp nhằm thực thi quyền hạn của Chính phủ. Với mục đích của Hiệp định này, dịch vụ được cung cấp nhằm thực thi quyền hạn của Chính phủ được hiểu là bất kể dịch vụ nào được cung cấp không dựa trên cơ sở thương mại hoặc không dựa trên cơ sở cạnh tranh với một hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ.

ĐIỀU 3
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết phải khuyến khích và tạo các điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ nước mình, và tiếp nhận

các khoản đầu tư đó tùy thuộc vào việc thực hiện thẩm quyền theo pháp luật của mình.

2. Đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết phải luôn được đối xử công bằng, bình đẳng và phải được bảo hộ đầy đủ, an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia. Không Bên ký kết nào được sử dụng các biện pháp bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử bằng bất kỳ cách nào để gây phương hại đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình.

ĐIỀU 4
ĐỐI XỬ ĐẦU TƯ

1. Liên quan đến việc sử dụng, quản lý, điều hành, hoạt động, mở rộng, bán hoặc định đoạt bằng cách khác đầu tư do nhà đầu tư của Bên ký kết kia thực hiện trên lãnh thổ của mình, mỗi Bên ký kết sẽ, theo quy định của pháp luật nước mình, dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ trên lãnh thổ nước mình sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của mình và đầu tư của họ trong những hoàn cảnh tương tự (Đối xử Quốc gia).

2. Liên quan đến việc sử dụng, quản lý, điều hành, hoạt động, mở rộng, bán hoặc định đoạt bằng cách khác đầu tư do nhà đầu tư của Bên ký kết kia thực hiện trên lãnh thổ của mình, mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia và đầu tư của họ sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào trong những hoàn cảnh tương tự (Đối xử Tối huệ quốc).

3. Những quy định tại Điều này không được hiểu là bắt buộc một trong các Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia lợi ích của bất kỳ sự đối xử, ưu đãi hoặc đặc quyền nào phát sinh từ:

a) Bất kỳ liên minh thuế quan, liên minh kinh tế, khu vực thương mại tự do, liên minh tiền tệ, hoặc hình thức hiệp định kinh tế khu vực hoặc song phương khác hay hiệp định quốc tế tương tự khác mà mỗi Bên ký kết là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên,

b) Bất kỳ hiệp định quốc tế, khu vực hoặc song phương nào hay các thoả thuận tương tự khác hoặc bất kỳ quy định pháp luật trong nước nào liên quan toàn bộ hoặc chủ yếu đến thuế.

ĐIỀU 5
BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

Trong trường hợp đầu tư của nhà đầu tư mỗi Bên ký kết bị thiệt hại do chiến tranh, xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi dậy, bạo loạn, khởi nghĩa, nổi loạn, hoặc sự kiện tương tự khác trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, nhà đầu tư đó sẽ được Bên ký kết kia dành sự đối xử, liên quan đến việc hoàn trả, đền bù, bồi thường hoặc các giải pháp khác, không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư nước mình hay nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào, tuỳ thuộc vào sự đối xử nào thuận lợi hơn đối với nhà đầu tư.

ĐIỀU 6
TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU

1. Đầu tư của nhà đầu tư của một Bên ký kết sẽ không bị quốc hữu hoá, tước quyền sở hữu trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, trừ trường hợp vì mục đích công cộng và phải bồi thường nhanh chóng, thoả đáng và có hiệu quả. Việc tước quyền sở hữu sẽ được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử phù hợp với pháp luật của Bên ký kết thực hiện việc tước quyền sở hữu.

2.Việc bồi thường này sẽ tương đương với giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu tại thời điểm tước quyền sở hữu hoặc tại thời điểm thông báo việc tước quyền sở hữu, tuỳ thuộc thời điểm nào đến trước, và sẽ có hiệu lực thanh toán. Việc bồi thường được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

Khoản bồi thường sẽ bao gồm tiền lãi theo lãi suất LIBOR, kể từ ngày tước quyền sở hữu đến ngày trả tiền.

Khi không xác định được giá trị thị trường nêu trên của khoản đầu tư, tiền bồi thường sẽ được xác định theo các nguyên tắc công bằng, có tính đến tất cả các yếu tố và tình tiết liên quan, như vốn đầu tư, bản chất và thời hạn đầu tư, giá trị thay thế, giá trị theo sổ sách và uy tín kinh doanh.

3. Mặc dù có quy định tại các khoản 1 và khoản 2 nói trên, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu nào liên quan đến đất đai sẽ thực hiện theo pháp luật

của Bên Ký kết tước quyền sở hữu liên quan đến điều kiện và khoản tiền bồi thường cho việc tước quyền sở hữu.

Để rõ ràng hơn, việc trả tiền bồi thường cho các công trình xây dựng gắn liền với đất, bao gồm nhà cửa và cơ sở hạ tầng, sẽ được thực hiện theo khoản 1 và 2 nêu trên.

4. Nhà đầu tư của một Bên ký kết bị ảnh hưởng bởi việc tước quyền sở hữu sẽ có quyền được cơ quan tư pháp hoặc cơ quan độc lập khác của Bên Ký kết kia xem xét nhanh chóng lại vụ việc của mình và việc định giá khoản đầu tư phù hợp với các nguyên tắc của Điều này và pháp luật của Bên Ký kết tước quyền sở hữu.

5. Khi một Bên Ký kết tước quyền sở hữu về tài sản của một công ty được thành lập và tổ chức theo pháp luật của nước mình, mà trong đó nhà đầu tư của Bên Ký kết kia sở hữu cổ phần, trái phiếu hoặc các hình thức tham gia khác, các quy định của Điều này sẽ được áp dụng đối với phần sở hữu của nhà đầu tư đó trong công ty nói trên.

ĐIỀU 7
CHUYỂN RA NƯỚC NGOÀI CÁC KHOẢN THANH TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết, tùy thuộc pháp luật của mình, đảm bảo cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia được chuyển tự do vào hoặc ra ngoài lãnh thổ của mình các khoản thanh toán liên quan đến đầu tư, bao gồm:

a) Vốn ban đầu và bất kỳ khoản vốn bổ sung nào để duy trì, quản lý và phát triển đầu tư;

b) Các khoản thu nhập;

c) Các khoản thanh toán theo hợp đồng, bao gồm việc trả dần tiền vốn và lãi luỹ kế phát sinh từ hợp đồng vay;

d) Tiền bản quyền và phí đối với các quyền theo Điều 1 khoản 1 (c);

e) Các khoản thu được từ việc bán hoặc thanh lý toàn bộ hoặc một phần đầu tư;

f) Các khoản thu nhập và các khoản tiền khác của nhân viên thu được từ nước ngoài liên quan đến đầu tư;

g) Các khoản thanh toán bồi thường theo các Điều 5 và 6;

h) Các khoản thanh toán phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp.

2. Việc chuyển tiền được thực hiện theo tỷ giá của đồng tiền được chuyển có hiệu lực áp dụng vào ngày chuyển tiền trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

3. Mặc dù có quy định tại các khoản 1 và 2, một Bên ký kết có thể ngăn cản hoặc trì hoãn việc chuyển tiền trên cơ sở áp dụng các quy định pháp luật của mình một cách công bằng, không phân biệt đối xử và thiện chí trong các trường hợp liên quan đến:

a) phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc bảo vệ quyền của chủ nợ;

b) phát hành, kinh doanh, hoặc giao dịch chứng khoán, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng quyền chọn, hoặc sản phẩm phái sinh khác;

c) tội phạm hoặc vi phạm hình sự và thu hồi thu nhập do phạm tội mà có;

d) báo cáo tài chính hoặc giữ sổ sách về các khoản chuyển tiền khi cần thiết nhằm hỗ trợ thi hành pháp luật hoặc hỗ trợ cơ quan quản lý tài chính;

e) đảm bảo việc tuân thủ các quyết định và phán quyết theo thủ tục hành chính và tư pháp; và

f) thuế;

g) an sinh xã hội, chế độ hưu trí công, hoặc chương trình tiết kiệm bắt buộc;

h) trợ cấp thôi việc của người lao động.

4. Mặc dù có quy định tại các khoản 1 và 2, một Bên ký kết có thể áp dụng hạn chế đối với việc chuyển các khoản thanh toán liên quan đến đầu tư trong trường hợp gặp hoặc có nguy cơ gặp khó khăn nghiêm trọng về cán cân thanh toán. Các hạn chế này phải công bằng, không phân biệt đối xử và được áp dụng có thiện chí để giảm tác động tiêu cực đến việc tự do chuyển tiền quy định trong Hiệp định này.

ĐIỀU 8
THẾ QUYỀN

1. Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được Bên ký kết đó chỉ định ("Bên thanh toán"), thực hiện thanh toán theo một hợp đồng thanh toán hoặc bảo

lãnh mà Bên đó đã đảm nhận liên quan đến khoản đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia ("Nước tiếp nhận đầu tư"), Nước tiếp nhận đầu tư phải công nhận:

a) Việc chuyển giao cho Bên thanh toán theo pháp luật hoặc theo các giao dịch hợp pháp tất cả các quyền và khiếu nại phát sinh từ khoản đầu tư đó;

b) Quyền của Bên thanh toán được thực hiện tất cả các quyền đó và đảm bảo thực hiện các khiếu nại đó và đảm nhận tất cả các nghĩa vụ liên quan đến khoản đầu tư phát sinh từ việc thế quyền.

2. Bên thanh toán, trong mọi trường hợp, được hưởng sự đối xử như nhà đầu tư ban đầu đối với:

a) Các quyền, khiếu nại có được và các nghĩa vụ do Bên thanh toán tiếp nhận từ việc chuyển giao theo khoản 1 trên đây;

b) Bất kỳ khoản thanh toán nào nhận được theo các quyền và khiếu nại đó như nhà đầu tư ban đầu có được theo Hiệp định này đối với các khoản đầu tư có liên quan.

ĐIỀU 9
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Bất kỳ tranh chấp pháp lý nào phát sinh trực tiếp từ đầu tư giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia liên quan đến cáo buộc vi phạm nghĩa vụ của Bên ký kết tiếp nhận đầu tư theo Hiệp định này đối với việc quản lý, điều hành, hoạt động, bán hoặc định đoạt bằng cách khác khoản đầu tư của nhà đầu tư này, và đã gây ra thiệt hại hoặc tổn thất đối với khoản đầu tư đó sẽ, trong chừng mực có thể, giải quyết bằng hòa giải thông qua đàm phán giữa các bên tranh chấp.

2. Nếu bất kỳ tranh chấp nào nêu trên không được giải quyết trong thời hạn (6) sáu tháng kể từ ngày tranh chấp được nhà đầu tư thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết đó, vụ tranh chấp có thể được đưa ra giải quyết tại:

a) Toà án có thẩm quyền của Bên ký kết mà khoản đầu tư được thực hiện trên lãnh thổ của Bên ký kết đó; hoặc

b) Trung tâm quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư (Trung tâm) được thành lập theo Công ước Washington ngày 18 tháng 3 năm 1965 về giải quyết

các tranh chấp đầu tư giữa nhà nước và công dân của nhà nước khác với điều kiện hai Bên ký kết đều là thành viên của Công ước này; hoặc

c) Cơ chế phụ trợ của Trung tâm nếu chỉ một Bên ký kết là thành viên của Công ước Washington; hoặc

d) Trọng tài ad hoc, trừ trường hợp các bên tranh chấp có thoả thuận khác, được thành lập theo các Quy tắc trọng tài của Uỷ ban Liên hợp quốc về luật thương mại quốc tế (UNCITRAL).

Một khi nhà đầu tư đã đưa vụ tranh chấp ra giải quyết theo bất kỳ thủ tục nào được quy định trên đây, thì sự lựa chọn thủ tục đó là cuối cùng.

Để chắc chắn hơn, các quy định về đối xử Tối huệ quốc trong Hiệp định này không bao gồm yêu cầu phải dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia việc thực hiện các thủ tục giải quyết tranh chấp khác với các quy định trong Hiệp định này.

3. Việc đệ trình vụ tranh chấp ra trọng tài theo quy định tại khoản 2 phải đáp ứng điều kiện là việc đệ trình đó được thực hiện trong thời hạn (2) năm tính từ thời điểm nhà đầu tư trong vụ tranh chấp đã biết, hoặc có lý do để biết về vi phạm nghĩa vụ theo Hiệp định này và thiệt hại hoặc tổn thất đã gây ra đối với nhà đầu tư hoặc đầu tư của nhà đầu tư đó.

4. Hội đồng trọng tài ra quyết định phù hợp với các quy định của Hiệp định này, pháp luật của Bên ký kết có liên quan trong vụ tranh chấp trên lãnh thổ nơi đầu tư được thực hiện (bao gồm các nguyên tắc về xung đột pháp luật), các điều kiện trong các thỏa thuận cụ thể về đầu tư và các nguyên tắc có liên quan của luật pháp quốc tế.

5. Trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng trọng tài hoặc trong thời gian thi hành các quyết định của trọng tài, không một Bên ký kết nào có quyền kiện ngược để biện hộ với lý do nhà đầu tư của Bên ký kết kia trong vụ tranh chấp đã nhận hoặc sẽ nhận được khoản đền bù hoặc khoản bồi thường khác cho toàn bộ hoặc một phần thiệt hại theo hợp đồng bảo hiểm, bảo lãnh thanh toán hoặc bồi thường khác.

6. Bất kỳ quyết định nào của trọng tài được đưa ra theo quy định của Điều này là chung thẩm và ràng buộc các bên tranh chấp, và phải được thi hành phù hợp với pháp luật quốc gia của Bên ký kết mà quyết định được thi hành trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

ĐIỀU 10
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

1. Các Bên ký kết, trong chừng mực có thể, sẽ giải quyết bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến giải thích và áp dụng Hiệp định này thông qua tham vấn hoặc các kênh ngoại giao khác.

2. Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu tháng kể từ ngày việc tham vấn hoặc các kênh ngoại giao khác theo yêu cầu của mỗi Bên ký kết được đưa ra và trừ khi các Bên ký kết có thoả thuận khác bằng văn bản, mỗi Bên ký kết có thể, thông qua việc thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia, đưa tranh chấp ra giải quyết tại một hội đồng trọng tài ad hoc phù hợp với các quy định sau đây của Điều này.

3. Hội đồng trọng tài sẽ được thành lập như sau: mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên, và hai thành viên này sẽ thoả thuận về một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch hội đồng trọng tài để các Bên ký kết chỉ định. Các thành viên này sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng, và Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng bốn tháng, kể từ ngày một Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia ý định đưa tranh chấp ra giải quyết tại toà trọng tài.

4. Nếu các thời hạn nêu tại khoản 3 không được tuân thủ, mỗi Bên ký kết có thể, trong trường hợp không có thoả thuận khác, mời Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp hiệp quốc tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Toà án quốc tế Liên hợp quốc là công dân của một Bên ký kết hoặc vì lý do khác không được thực hiện chức năng này, Phó Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc sẽ được mời tiến hành các chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc là công dân của một Bên ký kết hoặc vì lý do nào khác không được thực hiện chức năng này, thành viên cao cấp tiếp theo của Toà án tư pháp quốc tế Liên hợp quốc không phải là công dân của một Bên ký kết sẽ được mời tiến hành các chỉ định cần thiết.

5. Hội đồng trọng tài sẽ ra quyết định bằng biểu quyết theo đa số. Quyết định đó phải phù hợp với Hiệp định này và các quy tắc được thừa nhận của luật pháp quốc tế có liên quan và là chung thẩm, ràng buộc với cả hai Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho thành viên do mình chỉ định trong hội đồng trọng tài, cũng như các chi phí cho đại diện của mình trong các thủ tục trọng tài. Chi phí cho Chủ tịch cũng như các chi phí khác trong thủ tục trọng tài do mỗi Bên ký kết chịu bằng nhau. Tuy nhiên hội đồng trọng tài có

thể quyết định một trong hai Bên ký kết sẽ phải chịu phần chi phí cao hơn hoặc toàn bộ chi phí đó. Đối với tất cả các vấn đề khác, hội đồng trọng tài tự quyết định thủ tục của mình.

ĐIỀU 11
ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Nếu các nghĩa vụ của một Bên ký kết theo các hiệp định quốc tế đang tồn tại hoặc được thiết lập sau này giữa các Bên ký kết ngoài Hiệp định này chứa đựng quy định, bất kể là chung hay cụ thể, dành cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử quy định tại Hiệp định này, các điều khoản đó sẽ, trong chừng mực tạo thuận lợi hơn cho nhà đầu tư, được ưu tiên áp dụng so với Hiệp định này.

ĐIỀU 12
HIỆU LỰC CỦA HIỆP ĐỊNH

Mỗi Bên ký kết sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia về việc hoàn tất các yêu cầu pháp lý để Hiệp định có hiệu lực và Hiệp định này sẽ có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo cuối cùng.

ĐIỀU 13
THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HIỆU LỰC

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn mười (10) năm, sau đó sẽ tiếp tục có hiệu lực, trừ khi được chấm dứt theo khoản (2) của Điều này.

2. Mỗi Bên ký kết có thể chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia trước một (1) năm vào giai đoạn kết thúc mười (10) năm đầu hoặc bất kỳ thời điểm nào sau đó.

3. Liên quan đến các khoản đầu tư đã được thực hiện hoặc có được trước ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này, các quy định của tất cả các Điều khoản khác của Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn mười (10) năm kể từ ngày chấm dứt hiệu lực Hiệp định này.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây, được uỷ quyền hợp lệ của Chính phủ nước mình, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2009 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Sinhala và tiếng Anh, các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về việc áp dụng và giải thích các điều khoản của Hiệp định này, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA SRI LANKA**
Võ Hồng Phúc **Bộ trưởng** **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**	**Anura Priyadarshana Yapa** **Bộ trưởng Bộ Phát triển** **Doanh nghiệp và Xúc tiến Đầu tư**

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng